

Số: /TCTK-TTDL

V/v thông báo nghiệp vụ số 7
Tổng điều tra kinh tế năm 2021

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

Thực hiện Tổng điều tra kinh tế năm 2021 theo Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế (BCĐ) Trung ương đề nghị BCĐ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phổ biến, chỉ đạo các điều tra viên (ĐTV), giám sát viên (GSV) thực hiện Thông báo nghiệp vụ số 7, cụ thể như sau:

1. Kiểm tra lỗi logic dữ liệu điều tra trên Trang Web

Ngay trong thời gian thu thập thông tin tại địa bàn, BCĐ và GSV các cấp kiểm tra chất lượng ghi phiếu đối với các phiếu đã hoàn thành trên Trang Web điều hành tác nghiệp, đối với các phiếu có lỗi phải thông báo ngay cho ĐTV để kiểm tra và quay lại cơ sở để bổ sung/xác minh thông tin (nếu cần).

Đối với các phiếu cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) cá thể đã điều tra và đồng bộ bằng phiên bản phần mềm V1.7.0 và trên Trang Web còn hiển thị thông báo lỗi thiếu câu A5.4, sai câu A5.2, A5.3, A5.5 (như Hình): ĐTV vào lại phiếu của cơ sở, tới sản phẩm có lỗi, bấm chọn lại mã sản phẩm để chương trình tự động hiển thị câu A5.2, A5.3, A5.4 hoặc A5.5 theo đúng bước nhảy và sửa.

Hình:

STT	Tỉnh	Huyện	Xã	Mã địa bàn	Mã cơ sở	Vị trí	Thông tin
28	24	223	07813	06	69915	A5.5	A5.5 A5.5: Mã sản phẩm 47223: không thuộc ngành 56 nhưng A5.5 có thông tin.
30	24	223	07813	07	69921	A5.4	A5.4 A5.4: Mã sản phẩm 47224 phải điều tra câu A5.4 nhưng A5.4 không có số liệu.
552	24	223	07840	13	72516	A5.2	A5.2 A5.2: Mã sản phẩm 35116000: có ngành cấp 2 (=35) thuộc ngành từ 5 đến 39 nhưng Số lượng sản phẩm sản xuất bình quân/tháng = 0.
553	24	223	07840	13	72516	A5.3	A5.3 A5.3: Mã sản phẩm 35116000: có ngành cấp 2 (=35) thuộc ngành từ 5 đến 39 nhưng Số lượng sản phẩm đã bán bình quân/tháng = 0.

Lưu ý: Đối với tất cả các phiếu thu thập thông tin bằng thiết bị điện tử di động (CAPI) đã hoàn thành sau khi vào lại để sửa thông tin, ĐTV phải bấm mũi tên đi hết phiếu để xác nhận việc hoàn thành sửa phiếu và thực hiện đồng bộ để gửi thông tin đã sửa về máy chủ.

2. Thống nhất nghiệp vụ phiếu cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể

- Đối với các cơ sở SXKD cá thể được xác định là có mã số thuế ở câu A1.7 nhưng chủ cơ sở không nhớ/không biết: ĐTV hỏi kỹ chủ cơ sở để thu thập thông tin, có thể xác định mã số thuế thông qua hóa đơn đóng thuế hoặc tra cứu mã số thuế từ sổ chứng minh thư nhân dân của chủ cơ sở trên trang web: masothue.com. Trường hợp không thể xác định được mã số thuế, ĐTV nhập “111111111” vào ô mã số thuế.

- Trường hợp cơ sở SXKD cá thể thuê tài sản (ví dụ cửa hàng, ki-ốt kinh doanh) từ 01 năm trở lên và đã thanh toán toàn bộ số tiền thuê (kể cả trường hợp giá thuê lớn): Quy ước **không** ghi nhận giá trị tài sản cố định ở câu A3.1, ghi nhận số tiền thuê vào câu A3.2 theo giá trị số tiền đi thuê còn lại theo năm (đã trừ số tiền thuê các năm trước); số tiền thuê địa điểm SXKD này được ghi nhận tại câu A4.3 theo tháng.

Ví dụ: Cơ sở ông A thuê ki-ốt bán hàng tại chợ, thời gian sử dụng 20 năm với số tiền 200 triệu và đã trả 01 lần hết từ năm 2015. Trường hợp này tính như sau:

Thời gian thuê từ năm 2015 đến năm 2021: 7 năm

Thời gian sử dụng còn lại: $20 - 7 = 13$ năm

+ Câu A3.2 = $(200/20)*13 = 130$ triệu đồng

+ Câu A4.3 = $(200/20/12) = 0,83$ triệu đồng.

- Đối với các hộ lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời, lượng điện sản xuất ra vừa dùng cho sinh hoạt vừa để bán, để xác định hệ thống sản xuất điện đó có phải là tài sản cố định (TSCĐ) hay không, ĐTV hỏi cơ sở để xác định tỷ trọng điện sử dụng cho sinh hoạt và bán lại chiếm bao nhiêu % thì sẽ phân bổ chi phí lắp đặt thiết bị cho 2 hoạt động và nếu đủ tiêu chuẩn TSCĐ thì sẽ ghi nhận tại câu A3.1.3.

Ví dụ: Cơ sở B lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời với số tiền là 50 triệu đồng. Tỷ lệ điện dùng cho sinh hoạt và bán lại là 70:30 thì chi phí lắp đặt thiết bị dùng cho kinh doanh là 15 triệu đồng. Như vậy, thiết bị này được xác định là TSCĐ và ghi thông tin vào câu A3.1.3 = 15.

- Cơ sở mua gia súc, gia cầm về mổ bán được xác định thuộc hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm; mã ngành 10101001 “Dịch vụ giết mổ gia súc”, 10101002 “Dịch vụ giết mổ gia cầm”.

- Cơ sở mua gia súc, gia cầm đã mổ về để **bán buôn** các sản phẩm bao gồm: thịt, nội tạng dạng thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt và nội tạng dạng thịt (như thịt hun khói, ướp muối, sấy khô, xúc xích, giăm bông,...) được xác định thuộc mã ngành 46231 “Dịch vụ bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt”.

- Cơ sở mua gia súc, gia cầm đã mổ về để bán lẻ (thịt và các sản phẩm thịt) được xác định thuộc mã ngành 47221 “Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh”.

- Cơ sở chỉ cung cấp Internet (wifi, 3G/4G/5G...) cho khách hàng khi đến sử dụng dịch vụ tại cơ sở mà không sử dụng cho mục đích khác (cửa hàng cà phê lắp đặt wifi để cung cấp cho khách hàng vào mạng khi đến uống cà phê,...) được xác định là có sử dụng Internet, câu A9.1 chọn 1 “**Có**”; Câu A9.2.1 đến A9.2.4 chọn “**Không**”.

- Cơ sở bán hàng qua mạng xã hội như Zalo, Facebook,... không được xác định là có sử dụng phần mềm. Câu A9.4 chọn 2 “**Không**”.

* **Lưu ý:** Đơn giá bình quân tại mục A6 là số tiền bình quân 01 khách (hoặc 01 tấn hàng hóa) phải trả cho 01 km di chuyển (nội dung này đã quy định tại trang 37 sổ tay Hướng dẫn nghiệp vụ và CAPI phiếu cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng).

BCĐ Trung ương thông báo để BCĐ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Vụ: TMDV, CNXD, TKQG;
- Các đơn vị thuộc Cục TTDL;
- GSV Trung ương;
- Lưu: VT, TTDL.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Trung Tiến